TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2024/DS-ST
Ngày: 26 – 4 – 2024
"V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thanh Nhanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hiệp.

2. Ông Ngô Văn Cơ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng góp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 39/2024/QĐST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị Cẩm N**.

Nơi cư trú: Ấp K, xã P, huyện X, tỉnh Sóc Trăng, (có mặt).

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị T**.

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng, (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Văn M**.

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 12-01-2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Cẩm N đều trình bày:

Bà Nguyễn Thị T là chủ hụi, bà N là hụi viên. Bà N tham gia 02 dây hụi, nay bà T còn nợ bà N tổng cộng số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ nhất: Mở vào ngày 15-02-2023, bà N tham gia hụi 1.000.000 đồng/1 chưng hụi/tháng, có 26 chưng, góp vào ngày 25 âm lịch hàng tháng. Bà N đóng được 09 lần với số tiền bao nhiêu thì bà không nhớ, đến lần thứ 10 thì bể hụi, nên bà T còn nợ bà N là 9.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ 2: Mở ngày 06-8-2023, giá 2.000.000 đồng/1 chưng hụi/tháng, có 27 chưng, mỗi tháng gom một lần; bà N tham gia 02 chưng hụi, còn 04 chưng hụi là bà Lâm Thị Đ đứng tên tham gia chơi hụi. Bà Đ là dì của bà N. Bà N đóng được 03 lần với số tiền bao nhiêu thì bà N không nhớ, sau đó bà T tuyên bố bể hụi. Vì vậy, bà T còn nợ bà N số tiền là 12.000.000 đồng, nhưng bà N với bà T đã thoả thuận và thống nhất với nhau là bà T còn nợ 9.000.000 đồng. Do bà Đ đang sinh sống ở nước ngoài nên bà N đóng tiền hụi giùm cho bà Đ. Bà N yêu cầu bà T trả cho bà N 9.000.000 đồng cộng với nợ của bà Đ nên thành 33.000.000 đồng, bà T đã trả 2.000.000 đồng, nên còn nợ bà N là 31.000.000 đồng.

Bà N giao tiền hụi cho bà T bằng hình thức chuyển khoản cho chồng bà T là ông Nguyễn Văn M và tiền mặt gửi trực tiếp cho bà T với tổng cộng 02 dây hụi, trong đó chuyển cho ông M: Ngày 08-9-2023 là 1.400.000 đồng; ngày 12-9-2023 là 2.900.000 đồng; ngày 06-10-2023 là 6.680.000 đồng; ngày 06-8-2023 là 4.470.000 đồng. Bà T có hứa hẹn trả nợ, nhưng không thực hiện lời hứa, nên bà N khởi kiện yêu cầu bà T trả nợ.

Tại phiên toà, bà N thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T phải trả lại cho bà N số tiền 02 dây hụi tổng cộng là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng). Còn 04 chưng hụi của bà Đ là mối quan hệ giữa bà Đ với bà T, nên bà N không yêu cầu bà T trả số tiền hụi này.

2. Trong biên bản lấy lời khai ngày 20-3-2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà T còn nợ bà N tổng cộng 02 dây hụi với số tiền là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng), cụ thể:

Bà T thống nhất với bà N đối với dây hụi thứ nhất, mở vào ngày 15-02-2023, giá 1.000.000 đồng/1 chưng hụi/tháng. Bà T còn nợ bà N 9.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 2: Mở ngày 06-8-2023, giá 2.000.000 đồng/1 chưng hụi/tháng, gồm 27 chưng, mỗi tháng gom 1 lần. Bà N chỉ tham gia 02 chưng, phần 04 chưng còn lại là của bà Đ, là dì của bà N, hiện nay bà Đ ở nước ngoài. Trong dây hụi thì 04 chưng này đứng tên bà Đ, không phải tên bà N. Bà N đóng hụi được 03 lần thì bể hụi, nên bà T còn nợ bà N là 12.000.000 đồng, nhưng qua thoả thuận thì bà N đồng ý cho bà T trả 9.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M là chồng của bà T. Hiện nay ông M đi làm thuê ở xa, xin nghỉ phép khó khăn, nên không có mặt theo giấy triệu tập của Toà án. Số tiền mà bà N chuyển vào tài khoản của ông M thì ông M đã giao lại cho bà T đầy đủ, nên ông M không còn liên quan đến vụ án này.

Nay bà T đồng ý trả cho bà N số tiền 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) nhưng xin trả hàng tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, vì hoàn cảnh của bà T hiện nay rất khó khăn.

3. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia tố tụng, nhưng ông M đều vắng mặt không lý do, cũng không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ và văn bản ghi ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

4. Ý kiến của Kiểm sát viên:

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về nội dung thì cho rằng có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả tiền cho 02 dây hụi tổng cộng là 18.000.000 đồng, trong đó mỗi dây hụi là 9.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1] Thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền hụi, do bị đơn cư trú ấp Đ, xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng, nên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn M đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không lý do. Việc vắng mặt này không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Nguyên đơn bà N và bị đơn bà T đều thống nhất với nhau về dây hụi, hụi viên, phần hụi, thời gian bắt đầu khui và mãn hụi, giá phần hụi. Bà T làm chủ hụi, bà N là hụi viên đã tham gia 02 dây hụi tháng, gồm:

Dây hụi mở vào ngày 15-02-2023; hụi giá 1.000.000 đồng/1 phần, có 26 phần, góp vào ngày 25 âm lịch hàng tháng. Bà N tham gia 01 phần và đã góp 09 lần, đến lần thứ 10 thì bể hụi, nên bà T còn nợ bà N là 9.000.000 đồng.

Đối với dây hụi thứ 2, mở vào ngày 06-8-2023, hụi giá 2.000.000 đồng/1 phần, gồm 27 phần, mỗi tháng góp 1 lần; bà N tham gia 02 phần. Bà N góp hụi được 03 lần thì bể hụi, nên bà T còn nợ bà N là 12.000.000 đồng, nhưng qua thoả thuận thì bà N đồng ý cho bà T trả 9.000.000 đồng. 04 phần hụi còn lại là của bà Đ đứng tên, là dì của bà N, hiện nay bà Đ ở nước ngoài.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định các tình tiết trên là sự thật.

[2.2] Tại phiên toà, bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với dây hụi thứ 2 mở vào ngày 06-8-2023, bà yêu cầu bà T trả 9.000.000 đồng. Do việc thay đổi yêu cầu của bà N không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét thấy, bà T là chủ hụi, chưa đến thời gian chấm dứt dây hụi nhưng bà T tự tuyên bố bể hụi, đến nay bà T chưa giao tiền hụi cho bà N là bà T đã vi phạm nghĩa vụ chủ hụi vì không thu phần hụi của các thành viên theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 18 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường, nên bà T phải có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền hụi còn nợ, cụ thể: Dây hụi mở vào ngày 15-02-2023, phải trả 9.000.000 đồng; dây hụi mở vào ngày 06-8-2022, bà N tham gia 02 chưng nên bà T có nghĩa vụ trả số tiền 12.000.000 đồng, nhưng do bà N đồng ý cho trả 9.000.000 đồng nên bà T chỉ phải trả 9.000.000 đồng.

[2.3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bà T trả cho bà N số tiền 02 dây hụi tổng cộng là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng), trong đó mỗi dây hụi trị giá 9.000.000 đồng. Bà T xin trả dần số tiền nợ, vì hiện nay hoàn cảnh rất khó khăn, nhưng bà N không đồng ý mà yêu cầu phải trả ngay, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà T.

[3] Do đó, lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: “Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”, vì vậy:

Bà T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu của bà N được chấp nhận, cụ thể là: 18.000.000 đồng x 5% = 900.000 đồng.

Yêu cầu khởi kiện của bà N được chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 18 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 471, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T phải trả cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị Cẩm N tổng cộng số tiền hụi là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng), trong đó gồm:

- Dây hụi mở vào ngày 15-02-2023; hụi giá 1.000.000 đồng/phần, bà T phải trả cho bà N là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng).

- Dây hụi mở vào ngày 06-8-2023, hụi giá 2.000.000 đồng/phần, bà T phải trả cho bà N là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án là bà Huỳnh Thị Cẩm N cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án là bà Nguyễn Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền vốn còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bị đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm.

3.2. Trả lại cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị Cẩm N số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000195 ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đối với đương sự bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn M vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày Toà án giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Thanh Nhanh